

Bản án số: **10/2019/DS-ST**
Ngày: 03/6/2019
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Kim Thái**
2. Bà **Phan Thị Thúy Hằng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Hằng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông **Lê Trung Hậu**- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ma Thị H, sinh năm 1968

Trú ở: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Có mặt tại phiên tòa

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị Xuân Đ, sinh năm 1968

Trú ở: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1992

Trú ở: thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện do nguyên đơn bà Ma Thị H viết ngày 16/01/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung như sau: Do có quan hệ quen

biết là bạn bè với nhau nên bà H có cho bà Phạm Thị Xuân Đ vay mượn tiền 02 lần cụ thể: Ngày 20/10/2017(âm lịch), bà H cho bà Đ vay mượn số tiền 20.000.000đ; Ngày 06/12/2017 (âm lịch), bà Đ vay mượn tiếp 30.000.000đ. Tổng cộng 50.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận 40.000đ/1.000.000đ/tháng, sau đó bà Đ trả tiền lãi cho bà H được 02 tháng thì ngưng trả, nhiều lần bà H gặp bà Đ để đòi nợ nhưng bà Đ không trả và có cam kết đến tháng 02/2018 sẽ trả đủ số tiền 50.000.000đ cho bà H nhưng đến hạn không trả. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 50.000.000đ và tiền lãi, theo lãi suất của ngân hàng Nhà nước quy định. Tại phiên tòa, bà H chỉ yêu cầu bà Đ phải trả tiền nợ gốc 50.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu phải trả tiền lãi.

Bị đơn bà Phạm Thị Xuân Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Đ không đến Tòa. Tại biên bản xác minh ngày 22/02/2019 và ngày 17/4/2019, công an xã Hòa Trị, huyện P cung cấp, bà Phạm Thị Xuân Đ hiện nay có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn Q, xã H, huyện P. Bà Đ đang sinh sống cùng nhà với các người con của bà Đ, ban ngày gia đình bà Đ đi làm đến tối mới về, nhà bà Đ thường xuyên đóng cửa không có ai ở nhà.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Phạm Thị Xuân Đ nhưng bà Đ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: chị H là con ruột của bà Ma Thị H, ở chung nhà với bà H nên biết rõ việc vay nợ giữa bà H và bà Phạm Thị Xuân Đ, chị H thấy bà Đ đến nhà bà H vay mượn 02 lần, ngày 20/10/2017 bà Đ mượn 20.000.000đ và ngày 06/12/2017 mượn 30.000.000đ, mỗi lần vay mượn tiền bà Đ đều viết nhận nợ vào sổ của bà H, khi bà H cho bà Đ mượn tiền thì bà H đưa tiền bằng mệnh giá nào chị H không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ma Thị H. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Xuân Đ phải trả cho bà Ma Thị H số tiền 50.000.000đ về khoản hợp đồng vay tài sản. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị Xuân Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần (trên hai lần) nhưng cô tình vắng mặt, người làm chứng chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị Xuân Đ

và người làm chứng chị Nguyễn Thị Thanh H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tranh luận tại phiên tòa hôm nay bên nguyên đơn bà Ma Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bà Phạm Thị Xuân Đ phải trả số tiền nợ gốc 50.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo lời trình bày của nguyên đơn bà H trong đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và theo giấy mượn tiền mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa thì từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2017 (âm lịch), bà Đ có vay mượn tiền của bà H 02 lần, với tổng số tiền là 50.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 40.000đ/1.000.000đ/tháng, mỗi lần vay mượn tiền của bà H thì bà Đ đều viết giấy nhận nợ, sau đó bà Đ có trả tiền lãi cho bà H được 02 tháng thì ngưng trả, bà Đ cam kết đến tháng 02/2018 trả đủ số tiền nợ gốc nêu trên cho bà H nhưng đến hẹn không trả. Đồng thời, người làm chứng chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày có thấy bà H cho bà Đ mượn tiền 02 lần, một lần 20.000.000đ và một lần 30.000.000đ là phù hợp với lời khai của bà H. Mặc khác, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn bà Phạm Thị Xuân Đ nhưng bà Đ không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số nợ trên nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000đ. Ngoài ra, nguyên đơn bà H không yêu cầu bà Đ phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Phạm Thị Xuân Đ phải chịu 2.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm (50.000.000đ x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ma Thị H. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Xuân Đ phải trả cho bà Ma Thị H số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) về khoản hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án,

Bị đơn bà Phạm Thị Xuân Đ phải chịu 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Ma Thị H tiền tạm ứng án phí 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0013261 ngày 17/01/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.P;
- THA h. P;
- TANDT Phú Yên
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Sơn

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ